

Số :57/QĐ -THCSPQ

Phổ Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong trường học
theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024 – 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHỔ QUANG

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong trường học theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024-2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai theo kế hoạch, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (bà) có tên tại Điều 1, các tập thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Minh Niên



**DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2024-2025**

(Theo Quyết định số 57 /QĐ-THCSPQ, ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường THCS Phổ Quang)

TT	Họ tên		Chức vụ	Chức vụ trong Ban	Ghi chú
1	Trần Minh	Niên	Hiệu trưởng	Trưởng Ban	
2	Trần Thị Bích	Liễu	Phó Hiệu trưởng	P. Trưởng Ban	
3	Lương Trung	Sư	CT CDCS, PT CNTT	Thành viên	
4	Trương Thị	Hằng	TB TTND, TTCM	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	TTCM	Thành viên	
6	Ngô Đình	Nhân	PT CSVC	Thành viên	
7	Đỗ Thị Minh	Nguyệt	TT tổ VP, Kế toán	Thành viên	
8	Bùi Thanh	Bạch	TPT	Thành viên	
9	Đinh Văn	Tú	PT Fanpage	Thành viên	
Danh sách này có 09 người					

Số : 57a/QĐ -THCSPQ

Phổ Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công khai trong trường học
Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHỔ QUANG

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Xét đề nghị của tổ Văn phòng trường THCS Phổ Quang.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công khai trong trường học của trường THCS Phổ Quang năm học 2024-2025.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Phổ Quang có trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.



Trần Minh Niên

QUY CHẾ

Thực hiện công khai trong trường học

Năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 57a/QĐ-THCSPQ ngày 05 tháng 9 năm 2024

Của Hiệu trưởng Trường THCS Phổ Quang)



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính.

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường THCS Phổ Quang.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại các cơ sở giáo dục và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. *Cam kết chất lượng giáo dục:* Điều kiện về điều kiện tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (đính kèm Biểu 01).

b. *Chất lượng giáo dục thực tế:* Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh đủ

điều kiện dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT. Số học sinh nam/số học sinh nữ từng khối lớp, số học sinh dân tộc (đính kèm biểu 02).

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

d. Công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Công khai kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số TBDH đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ...(đính kèm biểu 03).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (đính kèm biểu 04).

3. Công khai tài chính:

a. Thực hiện theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b. Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a. Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học mới (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b. Niêm yết công khai tại bảng thông báo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, nhà trường còn phải công khai như sau:

a. Đối với học sinh mới tuyển: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh công khai tuyển sinh tại bảng tin nhà trường trước khi thực hiện tuyển sinh.

b. Đối với học sinh đang học tại trường: Phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản theo quy định.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Ban TTND, Phòng GD, Sở GD và các cơ quan quản lý cấp trên.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban TTND và các cơ quan quản lý cấp trên bằng các hình thức sau đây:

- a. Công bố công khai trong cuộc họp HĐSP nhà trường.
- b. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho CB, GV, NV, CMHS và HS xem.
- c. Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường./.

Số: 48/KH-THCSPQ

Phổ Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy chế công khai trong trường học
theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024 – 2025**

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Phổ Quang xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tinh dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) *Cam kết chất lượng giáo dục:* Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà

trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được, khả năng học tập tiếp tục của học sinh (đính kèm biểu 1).

b) *Chất lượng giáo dục thực tế*: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối kỳ, cuối năm học theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp thị xã, tỉnh, quốc gia; số học sinh đủ điều kiện dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT. Số học sinh nam/ số học sinh nữ từng khối lớp (đính kèm biểu 2)

c) *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian*: Công khai đề án xây dựng trường giữ chuẩn mức độ 1 vào năm 2025.

d) *Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường*: Công khai Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) *Cơ sở vật chất*: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ... (đính kèm biểu 3).

b) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên*: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (đính kèm biểu 4).

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập.

Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a) *Hình thức*:

- Công khai trên Website, Fanpage, Zalo của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS và nhóm Zalo nhóm chủ nhiệm từng lớp.

b) *Thời điểm công khai*:

Công khai định kỳ hằng tháng, hằng kỳ, hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thời điểm công khai vào tháng 6 hằng năm và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Triển khai kế hoạch Quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 đến tập thể CB, GV, NV, HS và cha mẹ học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cấp trên:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023 - 2024 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2024 - 2025 theo quy định.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai (Đính kèm Quyết định của trường THCS Phổ Quang)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2024 - 2025 của trường THCS Phổ Quang./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban chỉ đạo (để thực hiện);
- CB, GV, NV, CMHS, HS (để thực hiện);
- Lưu: VT.


HỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHỔ QUANG
Trần Minh Niên

UBND THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TRƯỜNG THCS PHỔ QUANG

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Phổ Quang
năm học 2024 -2025**

ST T	Nội dung	chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành chương trình lớp 5 TS theo địa bàn theo quy định.	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo CT GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Theo CT GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Theo CT GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Theo CT GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin phối hợp cùng theo dõi giáo dục học sinh. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập tự giác, chăm chỉ tích cực.	Nhà trường và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin phối hợp cùng theo dõi giáo dục học sinh. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập tự giác, chăm chỉ tích cực.	Nhà trường và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin phối hợp cùng theo dõi giáo dục học sinh. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập tự giác, chăm chỉ tích cực.	Nhà trường và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin phối hợp cùng theo dõi giáo dục học sinh. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập tự giác, chăm chỉ tích cực.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Phong trào TDTT, văn nghệ, các hoạt động vui chơi giải trí rèn kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường đặc biệt quan tâm. Có đủ SGK, tài liệu tham khảo cho học sinh, CBGV ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.	Phong trào TDTT, văn nghệ, các hoạt động vui chơi giải trí rèn kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường đặc biệt quan tâm. Có đủ SGK, tài liệu tham khảo cho học sinh, CBGV ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.	Phong trào TDTT, văn nghệ, các hoạt động vui chơi giải trí rèn kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường đặc biệt quan tâm. Có đủ SGK, tài liệu tham khảo cho học sinh, CBGV ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.	Phong trào TDTT, văn nghệ, các hoạt động vui chơi giải trí rèn kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường đặc biệt quan tâm. Có đủ SGK, tài liệu tham khảo cho học sinh, CBGV ủng hộ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của HS dự kiến đạt được	HS hoàn thành chương trình học Học sinh có sức khỏe tốt để học tập và phát triển trí tuệ	HS hoàn thành chương trình học Học sinh có sức khỏe tốt để học tập và phát triển trí tuệ	HS hoàn thành chương trình học Học sinh có sức khỏe tốt để học tập và phát triển trí tuệ	HS hoàn thành chương trình học Học sinh có sức khỏe tốt để học tập và phát triển trí tuệ

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	HS tự tin khi lên cấp học cao hơn.	HS tự tin khi lên cấp học cao hơn.	HS tự tin khi lên cấp học cao hơn.	HS tự tin khi lên cấp học cao hơn.
----	--	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------

Phổ Quiang, ngày 01 tháng 9 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Trần Minh Niên

UBND THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TRƯỜNG THCS PHỔ QUANG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Phổ Quang
năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	531	148	136	135	112
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	Từ 85% trở lên	Từ 85% trở lên	Từ 85% trở lên	Từ 85% trở lên	Từ 85% trở lên
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	15%	15%	15%	15%	15%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	531	148	136	135	112
1	Xuất sắc	5% trong số Giỏi	5% trong số Giỏi	5% trong số Giỏi	5% trong số Giỏi	5% trong số Giỏi
2	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	16%	16%	16%	16%	16%
3	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35%	35%	35%	35%	35%
4	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	42% trở xuống	39% trở xuống	39% trở xuống	39% trở xuống	39% trở xuống
5	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	Đến 7%; KT lại 100% lên lớp	nb	nb	nb	nb
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	495	134	125	124	112
a	Học sinh XS giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	16%	16%	16%	16%	16%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35%	35%	35%	35%	35%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	36	14	11	11	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học);(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp thị xã	22	6	4	6	6
2	Cấp tỉnh	4	0	0	0	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2	0	0	0	2
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					112
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					112
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	15%	0	0	0	15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45%	0	0	0	45%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	60%	0	0	0	60%
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	531/248	148/67	136/61	135/65	112/55

Phổ Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2024


HIỆP TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 PHỔ QUANG
 Trần Minh Niên

UBND THỊ XÃ DỨC PHỐ
TRƯỜNG THCS PHỔ QUANG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Phổ Quang
năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /hs
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	7	
7	Bình quân lớp/phòng học	1, 1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	35.4	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.280	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6280	
VI	Tổng diện tích các phòng	0	
1	Diện tích phòng học (m ²)	90x14	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	120x6	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	90x1	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	90x1	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo quy định	15	
1.1	Khối lớp 6	4	
1.2	Khối lớp 7	4	
1.3	Khối lớp 8	3	

1.4	Khối lớp 9	4	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
2.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	14	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Phòng thiết bị ngoại ngữ	1	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	0	x	0	60m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	0
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	0	0
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	0
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	0
XIX	Tường rào xây	x	0

Phổ Quang, ngày 05 tháng 9 năm 2024



Trần Minh Niên